

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/DS-ST.

Ngày: 24/6/2024.

V/v tranh chấp quyền sử dụng

đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Minh.

Ông Đặng Văn Bé.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị Ngọc Q, sinh năm 1958, địa chỉ: Số 210/2, ấp B, xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu để nguyên đơn trực tiếp tham gia tố tụng)

Bị đơn: Bà Đặng Thị K Anh, sinh năm 1967, địa chỉ: Số 196/2, ấp B, xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1968, địa chỉ: Số 489/1, ấp B, xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

2. Bà Đặng Thị P, sinh năm 1973, địa chỉ: Số 168/1, ấp B, xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

3. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1956, địa chỉ: Số 210/2, ấp B, xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Tô Thị Ngọc Q là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà Q có thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.461m², tọa lạc tại xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Nguồn gốc thửa đất này do bà Q nhận chuyển nhượng của ông Châu vào năm 1995, có sự chứng kiến của ông G và vợ chồng bà Đặng Thị K Anh (con ông G). Ranh giới giữa đất bà Q nhận chuyển nhượng với phần đất của ông G được xác định là hàng cây bạch đàn do ông G trồng. Bà Q và gia đình ông G không có tranh chấp gì. Bà Q đào ao nuôi cá, xây dựng chuồng trại chăn nuôi trên phần đất này từ năm 1995.

Năm 2007, ông G đốn hết hàng cây bạch đàn (là ranh giới giữa hai bên), ông G chuyển nhượng đất cho bà Trương Thị Hồng. Khi chuyển nhượng đất cho bà Hồng, ông G và bà Anh có mời bà Q đến để xác định ranh giới đất giữa phần đất của bà Q và phần đất ông G chuyển nhượng cho bà Hồng, tất cả thống nhất xác định hàng cây bạch đàn là ranh giới giữa hai bên. Bà Hồng trông trụ bê tông làm ranh giới giữa hai bên (bà Hồng và bà Q).

Năm 2007, khi Cán bộ địa chính xã đo đạc để thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà Hồng, thì bà Anh tranh chấp với bà Q phần đất giáp ranh giữa thửa đất của ông G và thửa đất của bà Q, lý do dẫn đến tranh chấp là do việc lập bản đồ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai ranh giới giữa thửa đất của ông G và thửa đất của bà Q. Phần đất tranh chấp giữa bà Q và bà Anh hiện nay có chiều rộng khoảng 6,5m, chiều dài khoảng 47m, thuộc một phần thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3, xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh Long An do bà Q đứng tên.

Tháng 10 năm 2020, bà Anh sang phần đất tranh chấp đốn hết cây cối mang về nhà, đồng thời trồng cây lâu năm để chiếm đất của bà Q.

Nay bà Q yêu cầu bà Anh trả lại cho bà Q phần đất lấn chiếm nêu trên để bà Q sử dụng, phần đất tranh chấp là khu A, có diện tích là 456,6 m² theo mảnh trích đo địa chính số 07- 2023, ngày 20 tháng 02 năm 2023 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành.

Bà Anh trình bày là ông G sử dụng phần đất tranh chấp nêu trên từ năm 1976 là không đúng, phần đất này trước đây do bà Hồ Thị K (mẹ ông Cao Văn Châu) sử dụng từ trước năm 1960. Bà K cho ông Châu và ông Châu chuyển nhượng cho bà Q, bà Q trực tiếp sử dụng phần đất nhận chuyển nhượng, trong đó có phần đất đang tranh chấp nêu trên từ năm 1995, năm 2020 thì bà Anh mới lấn chiếm. Khoảng năm 2011 đến năm 2013, công ty thi công công Kỳ Sơn có thuê thửa đất của bà Q để làm điểm chứa máy móc, vật liệu xây dựng, trong đó có phần đất mà bà Anh tranh chấp với bà Q hiện nay, bà Q là người nhận tiền cho thuê đất.

Bà Đặng Thị K Anh là bị đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông Đặng Văn G (đã chết năm 2019) có 03 người con là bà Đặng Thị K Anh, ông Đặng Văn T và bà Đặng Thị P.

Năm 1976, cha bà Anh là ông Đặng Văn G khai hoang phần đất để sử dụng. Năm 1997, ông G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là thửa đất số 38 diện tích 3.391 m² và thửa đất số 40 diện tích là 575 m², đất tọa lạc tại ấp Bình Trị 2, xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Năm 2003, ông G cho bà Anh một phần thửa đất số 38 với diện tích là 2.150 m² và chuyển nhượng cho bà Trương Thị Hồng một phần thửa đất số 38 với diện tích là 680 m². Diện tích còn lại của thửa đất số 38 là 561 m² do ông G đứng tên. Từ năm 2007 đến nay, bà Q tranh chấp với ông G phần diện tích còn lại của thửa đất số 38 là 561 m² do ông G đứng tên. Ông G chết, nay bà Q tranh chấp phần đất này với bà Anh.

Năm 2010, qua 03 lần hòa giải, tổ hòa giải đều xác định phần đất tranh chấp là của ông G, nhưng bà Q không đồng ý. Năm 2021, UBND xã Phú Ngãi Trị tiến hành hòa giải 02 lần và 01 lần làm việc để giải quyết tranh chấp nhưng không thành. Phần đất tranh chấp này do ông G sử dụng từ năm 1976 đến khi ông G chết, bà Anh tiếp tục sử dụng cho đến nay. Phần đất tranh chấp có chiều rộng khoảng 6,5m, chiều dài khoảng 47m. Phần đất tranh chấp này hiện nay bà Q đứng tên, nguyên nhân là do nhà nước cấp giấy nhầm cho bà Q. Khi tách thửa để chuyển nhượng cho bà Hồng, thì phần đất chuyển nhượng cho bà Hồng không giáp ranh với đất của bà Q, ông G chừa lại một khoảng đất, chính là phần đất mà bà Q tranh chấp với bà Anh.

Nay bà Q yêu cầu bà Anh trả cho bà Q phần đất tranh chấp là khu A, có diện tích là 456,6 m² theo mảnh trích đo địa chính số 07- 2023 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành thì bà Anh không đồng ý, vì phần đất tranh chấp nêu trên thuộc quyền sử dụng đất của ông G.

Tại phiên tòa, bà Anh trình bày là bà Q sử dụng phần đất tranh chấp, sử dụng vào việc xây dựng chuồng trại chăn nuôi heo, nuôi vịt từ khi bà Q nhận chuyển nhượng đất đến khi có công ty thuê đất làm điểm chứa vật liệu xây dựng để thi công cống Kỳ Sơn, tiền thuê đất do bà Q nhận. Trường hợp chấp nhận yêu cầu của bà Q thì bà Anh tự di dời hoặc chặt bỏ cây trồng trên phần đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Văn Ph trình bày: Ông Nguyễn Văn Ph trình bày và yêu cầu như bà Q.

Ông Đặng Văn T trình bày: Khi cha ông T là ông G chuyển nhượng đất cho bà Hồng thì phần đất chuyển nhượng cho bà Hồng chưa hết chiều dài thửa đất. Giữa phần đất chuyển nhượng cho bà Hồng và thửa đất của bà Q còn phần đất nào của ông G hay không thì ông T không biết. Ông T yêu cầu căn cứ vào giấy đất để giải quyết tranh chấp.

Bà Đặng Thị P trình bày: Bà P không biết về đất của ông G, bà P yêu cầu căn cứ vào giấy đất để giải quyết tranh chấp.

Kiểm sát viên trình bày: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Nội dung: Bà Anh thừa nhận là bà Q sử dụng phần đất tranh chấp, sử dụng vào việc xây dựng chuồng trại chăn nuôi heo. Theo xác nhận của UBND huyện Châu Thành thì phần còn lại của thửa đất số 38 tờ bản đồ số 1 xã Phú Ngãi Trị (dữ liệu bản đồ cấp giấy năm 1996): Theo dữ liệu bản đồ cấp đổi có chênh lệch (diện tích giảm) thửa đất 38 tờ bản đồ số 1 phần diện tích đất còn lại không còn do nằm trong đất rạch Kỳ Sơn. Yêu cầu của bà Q là có căn cứ theo quy định tại Điều 203 của Luật đất đai năm 2013, các Điều 164, 166 và 175 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận giữa các bên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Tô Thị Ngọc Q kiện bà Đặng Thị K Anh tranh chấp quyền sử dụng đất, căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Phần đất tranh chấp giữa bà Tô Thị Ngọc Q và bà Đặng Thị K Anh là khu A có diện tích là $456,6 \text{ m}^2$, loại đất ONT, theo mảnh trích đo địa chính số 07-2023 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành. Phần đất tranh chấp có giá trị theo định giá là 350.000 đồng/ m^2 . Các đương sự không yêu cầu định giá lại.

[3] Ông Đặng Văn T và bà Đặng Thị P là con ruột của ông Đặng Văn G (chết năm 2019). Bà Đặng Thị K Anh trình bày là phần đất tranh chấp là phần diện tích còn lại của thửa đất số 38, có diện tích là 561 m^2 , do ông G đứng tên, nên Tòa án đưa ông Đặng Văn T và bà Đặng Thị P vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Bà Tô Thị Ngọc Q yêu cầu bà Đặng Thị K Anh trả cho bà Tô Thị Ngọc Q phần đất lấn chiếm là khu A có diện tích là $456,6 \text{ m}^2$, loại đất ONT, theo mảnh trích đo địa chính số 07- 2023 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành. Bà Tô Thị Ngọc Q trình bày phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.461 m^2 , tọa lạc tại xã Phú Ngãi Trị, do bà Tô Thị Ngọc Q đứng tên và sử dụng từ năm 1996 đến nay. Bà Đặng Thị K Anh trình bày là phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 38 diện tích 3.391 m^2 của ông G, do ông G đứng tên. Năm 2003, ông G cho bà Anh một phần thửa đất số 38 với diện tích là 2.150 m^2 và chuyển nhượng cho bà Trương Thị Hồng một phần thửa đất số 38 với diện tích là 680 m^2 . Diện tích còn lại của thửa đất số 38 là 561 m^2 do ông G đứng tên. Hội đồng xét xử xét thấy, theo xác nhận của UBND huyện Châu Thành thì phần còn lại của thửa đất số 38 (của ông G) tờ bản đồ số 1 xã Phú Ngãi Trị (dữ liệu bản đồ cấp giấy năm 1996): Theo dữ liệu bản đồ cấp đổi có chênh lệch (diện tích giảm) thửa đất 38 tờ bản đồ số 1 phần diện tích đất còn lại không còn do nằm trong đất rạch Kỳ Sơn. Phần đất tranh chấp có diện tích là $456,6 \text{ m}^2$, diện tích đất của bà Tô Thị Ngọc Q không có tranh chấp là $857,4 \text{ m}^2$, tổng diện tích phần đất tranh chấp và phần đất không tranh chấp của bà Q là 1.314 m^2 ($857,4 \text{ m}^2 + 456,6 \text{ m}^2$), còn ít hơn so với diện tích đất mà bà Tô Thị Ngọc Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (1.461 m^2).

[5] Bà Tô Thị Ngọc Q trình bày phần đất tranh chấp là khu A có diện tích là 456,6 m², do bà Q nhận chuyển nhượng từ ông Châu, bà Tô Thị Ngọc Q trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1996 đến năm 2020. Từ năm 2020 đến nay, bà Đặng Thị K Anh tranh chấp, đem cây ra trồng trên phần đất tranh chấp. Bà Đặng Thị K Anh trình bày là phần đất tranh chấp này do ông G sử dụng từ năm 1976 đến khi ông G chết (năm 2019), bà Anh tiếp tục sử dụng cho đến nay. Tại phiên tòa, bà Anh trình bày là bà Q sử dụng phần đất tranh chấp, sử dụng vào việc xây dựng chuồng trại chăn nuôi heo, nuôi vịt từ khi bà Q nhận chuyển nhượng đất đến khi có công ty thuê đất làm điểm chứa vật liệu xây dựng để thi công cống Kỳ Sơn, tiền thuê đất do bà Q nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, theo xác nhận của ông Cao Văn Châu, là người chuyển nhượng thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3 xã Phú Ngãi Trị cho bà Q, ông Châu và ông Cao Văn Tuấn xác nhận (BL91): phần đất ông Châu chuyển nhượng cho bà Q giáp với hàng cây bạch đàn do ông G trồng, là giáp với đất của bà Hồng hiện nay. Ông Nguyễn Văn Lâm xác nhận là từ khi bà Q nhận chuyển nhượng đất từ ông Châu, bà Q đào ao nuôi cá, đất đào ao đắp nền làm chuồng heo, chuồng vịt kế ranh hàng cây bạch đàn do ông G trồng. Bà Q là người trực tiếp canh tác liên tục từ năm 1996 đến nay (BL89). Bà Hồ Thị Hoàng (nhà giáp ranh với thửa đất 46 của bà Q) xác nhận là bà Q trực tiếp sử dụng đất phần đất tranh chấp, bà Q sử dụng để nuôi heo, vịt (BL87). Ông Nguyễn Hoài Ngoạt xác nhận là năm 1996, bà Q có hợp đồng thuê máy đào đất của ông Ngoạt để đào ao trên thửa đất của bà Q, phần đất đào lên từ ao lấp vào mương cũ giáp với hàng cây bạch đàn, để bà Q xây dựng chuồng trại chăn nuôi (BL 84). Bà Trương Thị Hồng (giáp ranh với phần đất tranh chấp) xác nhận là phần đất ông G chuyển nhượng cho bà Hồng giáp ranh với thửa đất của bà Q (BL77). Theo ghi nhận tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14 tháng 7 năm 2022, thì trên phần đất tranh chấp có 06 bụi chuối loại A, 02 bụi chuối loại B, 08 cây dừa loại C, 01 cây dừa loại E. Bà Q trình bày là từ năm 2020, bà Anh bắt đầu tranh chấp và đem các cây lâu năm ra trồng trên phần đất tranh chấp là có căn cứ, vì các cây lâu năm đều còn nhỏ (các cây dừa loại C và loại E). Từ việc thừa nhận của bà Anh và các xác nhận trên, có đủ cơ sở xác định là phần đất tranh chấp do bà Q quản lý và sử dụng từ năm 1996 đến năm 2020. Từ năm 2020, bà Đặng Thị K Anh mang cây lâu năm đến trồng trên phần đất tranh chấp.

[6] Theo ranh bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì thửa đất số 46 của bà Q giáp ranh với thửa đất số 39 của bà Hồng, phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 46 của bà Q. Yêu cầu của bà Tô Thị Ngọc Q là có căn cứ theo quy định tại các Điều 164, 166 và 175 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013, nên chấp nhận yêu cầu của bà Tô Thị Ngọc Q, buộc bà Đặng Thị K Anh trả cho bà Tô Thị Ngọc Q phần đất tranh chấp là khu A có diện tích là 456,6 m², loại đất ONT, theo mảnh trích đo địa chính số 07- 2023 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành. Bà Đặng Thị K Anh có nghĩa vụ chặt bỏ hoặc di dời các cây trồng của bà Đặng Thị K Anh trên phần đất tranh chấp để trả đất cho bà Tô Thị Ngọc Q.

[7] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá T sản tranh chấp với tổng số tiền là 6.676.000 đồng, bà Tô Thị Ngọc Q đã nộp tạm ứng số tiền này.

Do yêu cầu của bà Tô Thị Ngọc Q được chấp nhận, nên bà Đặng Thị K Anh phải chịu chi phí này.

[8] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

[9] Án phí: Bà Tô Thị Ngọc Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Đặng Thị K Anh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự tranh chấp về quyền sử dụng đất, không tranh chấp về giá trị đất, nên tính án phí đối với tranh chấp không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng các Điều 164, 166 và 175 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Tô Thị Ngọc Q, buộc bà Đặng Thị K Anh có nghĩa vụ trả cho bà Tô Thị Ngọc Q phần đất có diện tích là 456,6 m², loại đất ONT, thuộc một phần thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3 xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, có vị trí: Đông giáp thửa đất số 39, tây giáp thửa đất số 38, 45 và đường đất, nam giáp rạch Kỳ Sơn, bắc giáp thửa đất số 33, 34, là khu A theo mảnh trích đo địa chính số 07- 2023, ngày 20 tháng 02 năm 2023 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Bà Đặng Thị K Anh có nghĩa vụ chặt bỏ hoặc di dời các cây trồng trên phần đất nêu trên (08 bụi chuối, 09 cây dừa), để trả đất cho bà Tô Thị Ngọc Q.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá T sản tranh chấp với tổng số tiền là 6.676.000 đồng (sáu triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), bà Tô Thị Ngọc Q đã nộp tạm ứng số tiền này. Bà Đặng Thị K Anh phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá T sản tranh chấp, bà Đặng Thị K Anh có nghĩa vụ trả cho bà Tô Thị Ngọc Q số tiền là 6.676.000 đồng (sáu triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Bà Tô Thị Ngọc Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đặng Thị K Anh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Cơ quan thi hành án huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng